

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIA HẠN THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN ĐẾN NĂM 2025
(Biểu đính kèm Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW đến năm 2024		Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW đến hết năm 2024		KH vốn 2025 dự kiến được bố trí					Thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số				Trong đó:		
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)												Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	TỔNG CỘNG					1.820.620	1.546.465	1.736.613	1.537.965	0	0	1.086.795	931.589	1.084.027	928.919	0	0	644.576	609.046	0	0				
I	GIAO THÔNG					1.577.209	1.430.185	1.518.809	1.421.685	0	0	994.862	897.738	992.192	895.068	0	0	526.617	526.617	0	0				
1	Đường kênh Long Điền A-B	Chợ Mới	27200m	2021-2024	2469/QĐ-UBND 22/10/2020; 1004/QĐ-UBND 13/5/2022	499.000	449.100	444.100	444.100			150.926	150.926	148.256	148.256			295.844	295.844			Năm 2025	UBND huyện Chợ Mới		
2	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giai đoạn 2	TT-TB	20,3km	2021-2024	2331/QĐ-UBND 12/10/2021; 1005/QĐ-UBND 13/5/2022; 262/QĐ-UBND 22/02/2024; 474/QĐ-UBND 27/3/2024	1.078.209	981.085	1.074.709	977.585			843.936	746.812	843.936	746.812			230.773	230.773			Năm 2025	BQLDA ĐTXD khu vực thị xã Tịnh Biên		
II	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ					243.411	116.280	217.804	116.280	0	0	91.933	33.851	91.835	33.851	0	0	117.959	82.429	0	0				
1	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	TC	79864m2	2021-2024	1342/QĐ-UBND 21/6/2021; 757/QĐ-UBND 18/4/2022; 403/QĐ-UBND 19/3/2024	243.411	116.280	217.804	116.280			91.933	33.851	91.835	33.851			117.959	82.429			Năm 2025	BQL Khu kinh tế		